

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI TP. BUÔN MA THUỘT

Thi Phần V.1: Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo quản lý;

Thời gian: 135 phút; Ngày thi: 23 tháng 9 năm 2019

Địa điểm: Trung tâm BD Chính trị TP. Buôn Ma Thuột

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	H' Nghị Bkrông	27/11/1985	02		20	8.0	Tam
2	H' Phương Byă	02/10/1983	02		72	8.0	Tam
3	Y NiWa Byă	05/05/1987	03		35	7.75	Bảy, bảy năm
4	Trần Quốc Chấn	06/10/1978	03		1	8.25	Tam, hai năm
5	Nguyễn Thị Chín	02/02/1979	02		62	8.5	Tam, năm
6	Đỗ Tiến Chương	31/01/1972	02		26	8.25	Tam, hai năm
7	Nguyễn Hữu Chuyên	16/12/1983	02		70	7.25	Bảy, hai năm
8	Huỳnh Thị Kim Cương	21/02/1986	02		34	8.0	Tam
9	Trần Thị Dinh	10/5/1971	02		6	8.25	Tam, hai năm
10	Nguyễn Văn Dũng	20/5/1972	02		57	7.75	Bảy, bảy năm
11	Nguyễn Quang Giàu	13/02/1991	02		8	8.25	Tam, hai năm
12	Phan Minh Hải	25/4/1980	02		10	8.0	Tam
13	Nguyễn Thị Hằng	23/11/1973	02		7	8.25	Tam, hai năm
14	Vũ Thị Minh Hằng	11/10/1974	03		63	8.5	Tam, năm
15	Nguyễn Thị Thanh Hiền	26/6/1986	02		54	6.75	Sáu, bảy năm
16	Trần Thị Thu Hiền	04/11/1979	03		75	8.0	Tam
17	Trần Văn Hiền	08/10/1966	03		22	8.5	Tam, năm
18	Phan Vĩnh Hiệp	16/11/1967	02		23	8.5	Tam, năm
19	Đỗ Trung Hiếu	10/9/1991	01		15	8.0	Tam
20	Mai Văn Hòa	21/5/1984	02		34	7.5	Bảy, năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Võ Thị Hội	10/8/1976	03	<i>nh</i>	21	8,25	Tam, hai năm
22	Huỳnh Ánh Hồng	17/01/1979	3 th	<i>ly</i>	51	8,75	Tam, bảy năm
23	Đinh Thị Huệ	13/8/1970	2	<i>hul</i>	61	8,0	Tam
24	Lâm Thái Hùng	09/01/1979	02	<i>am</i>	66	7,25	Bảy, hai năm
25	Nguyễn Phi Hùng	28/7/1983	03	<i>Hiroyo</i>	206	8,0	Tam
26	Nguyễn Văn Hùng	12/01/1978	02	<i>vme</i>	61	6,5	Sáu, năm
27	Đậu Thị Lan Hương	27/7/1978	02	<i>Un</i>	12	8,0	Tam
28	Trương Văn Huyền	22/4/1983	02	<i>ss</i>	13	7,25	Bảy, hai năm
29	Ngô Quang Huỳnh	1/12/1976	02	<i>ph</i>	58	6,5	Sáu, năm
30	Đỗ Trung Kiên	13/4/1983	03	<i>ju</i>	60	6,5	Sáu, năm
31	Võ Kỳ	15/12/1966	02	<i>ly</i>	123	8,0	Tam
32	Nguyễn Hữu Lam	20/10/1977	03	<i>21</i>	21	8,25	Tam, hai năm
33	Tổng Ngọc Lâm	12/01/1975	✓	Vắng (Gấp)	✓	✓	✓
34	Nguyễn Thị Kim Lan	12/9/1973	02	<i>llu</i>	69	6,75	Sáu, bảy năm
35	Phạm Thị Lan	24/4/1982	02	<i>cut</i>	76	8,0	Tam
36	Nguyễn Thị Liên	03/3/1966	03	<i>lier</i>	36	7,75	Bảy, bảy năm
37	Trần Thị Loan	09/02/1983	02	<i>Ths</i>	2	7,75	Bảy, bảy năm
38	Huỳnh Nhật Nam	15/12/1982	02	<i>thraun</i>	30	8,25	Tam, hai năm
39	Võ Ngọc Nam	10/12/1977	03	<i>un</i>	5	8,25	Tam, hai năm
40	Nguyễn Thị Thu Ngân	30/11/1977	03	<i>ML</i>	122	8,5	Tam, năm
41	Võ Lê Quỳnh Như	30/6/1983	03	<i>phur</i>	3	7,5	Bảy, năm
42	Đinh Quang Phan	08/11/1982	02	<i>Cfu</i>	67	8,0	Tam
43	Phạm Văn Sinh	02/06/1966	02	<i>Ball</i>	31	7,25	Bảy, hai năm
44	Đặng Phan Sơn	19/10/1974	02	<i>WU</i>	65	7,5	Bảy, năm
45	Mai Ngọc Sơn	04/8/1973	02	<i>mit</i>	29	8,0	Tam
46	Nguyễn Đình Sơn	20/02/1970	02	<i>ml</i>	28	8,0	Tam

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Cao Đình Song	17/04/1977	02		73	7,75	Bảy, bảy năm
48	Huỳnh Thị Lệ Sương	24/8/1968	02		16	8,25	Tám, hai năm
49	Lại Thị Tân	07/10/1972	02		24	8,5	Tám, năm
50	Trần Thế Tân	11/8/1984	02		21	8,5	Tám, năm
51	Phan Dương Thành	23/10/1985	02		55	8,25	Tám, hai năm
52	Bùi Thị Thanh Thảo	21/4/1985	02		37	8,25	Tám, hai năm
53	Nguyễn Thị Phương	16/7/1983	02		39	8,5	Tám, năm
54	Nguyễn Thị Thịnh	25/6/1970	02		50	8,0	Tám
55	Nguyễn Thị Thu	08/9/1975	02		14	8,25	Tám, hai năm
56	Trần Thị Thu	1/11/1982	02		48	8,5	Tám, năm
57	Trương Thị Thuần	15/10/1969	02		25	8,25	Tám, hai năm
58	Nguyễn Thị Thúy	24/9/1977	03		109	8,5	Tám, năm
59	Đoàn Thị Hương Thủy	05/7/1985	02		100	7,75	Bảy, bảy năm
60	Trần Thị Thu Thủy	17/04/1979	02		32	8,25	Tám, hai năm
61	Bùi Văn Tiến	12/10/1972	02		9	8,0	Tám
62	Trần Thị Tin	08/10/1969	02		47	8,25	Tám, hai năm
63	Nguyễn Văn Bảo Toàn	02/01/1982	02		17	8,25	Tám, hai năm
64	Đỗ Phú Trung	07/7/1980	02		71	6,0	Sáu
65	Lê Anh Tuấn	18/12/1981	02		56	7,5	Bảy, năm
66	Trần Đại Tướng	16/8/1979	02		38	7,5	Bảy, năm
67	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	15/12/1973	02		68	7,75	Bảy, bảy năm
68	Trần Thị Tuyết	16/4/1974	02		71	8,0	Tám
69	Ngô Thị Hải Vân	18/7/1974	02		19	8,0	Tám
70	Nguyễn Thị Thúy Vân	22/10/1985	02		52	7,5	Bảy, năm
71	Đào Thị Hồng Vân	28/01/1971	02		53	7,5	Bảy, năm
72	Dương Quốc Việt	08/12/1979	02		15	8,25	Tám, hai năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
73	Nguyễn Đình Vinh	16/06/1986	02	<i>gkt</i>	33	7,75	Bảy, bảy năm
74	Đặng Hữu Vương	11/12/1974	02	<i>al</i>	27	7,25	Bảy, hai năm
75	Hà Văn Vương	06/11/1980	02	<i>va</i>	18	8,25	Tám, hai năm
76	Trần Thị Ái Vy	18/8/1976	02	<i>25</i>	59	6,5	Sáu, năm
77	Phan Thị Yến	29/10/1966	02	<i>11 ac</i>	41	8,0	Tám

Tổng số: 168 tờ/ 76 bài

GIÁM THỊ 01

[Signature]

Ngày 04 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Văn Sĩ Bông

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

[Signature]

Ngô Hoài Thu

GIÁM THỊ 02

[Signature]
Phùng Thị Phương Loan

Ngày 03 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh

TRƯỞNG KHOA

[Signature]

Hồ Dương Hà



[Signature]
Nguyễn Sơn